

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2023

V/v: “Ly hôn, trả chấp về nuôi con”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, trả chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1992. Nơi cư đăng ký thường trú: M, tổ dân phố Z, khu phố Y, phường E, quận Y, Thành phố H. Địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã K, huyện N, tỉnh B (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* A **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai chị Lê Thị Kim C trình bày:

Chị C và A Hoàng A quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/6/2019. Sau khi thành hôn vợ chồng sống tại ấp A, xã B, huyện M, tỉnh B. Trong thời gian C sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị C và A Hoàng đã sống

ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C xin ly hôn với A Hoàng A.

Về con C: Có một con C là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 02/9/2019, hiện đang sống cùng chị C, chị C yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con C sau khi ly hôn, không yêu cầu A Hoàng A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản C: Chị C trình bày không có tài sản C nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ C: Chị C trình bày không có nợ C, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là A Nguyễn Hoàng A vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, A Hoàng A không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo qui định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim C, cụ thể: Chị Lê Thị Kim C được ly hôn với A Nguyễn Hoàng A. Về con C: Chị C được quyền nuôi con C là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 02/9/2019, A Hoàng A không phải cấp dưỡng nuôi con C. Về tài sản C, nợ C: không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim C đối với A Nguyễn Hoàng A thì vụ án có quan hệ trA chấp là “*Ly hôn, trA chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật trA chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] A Nguyễn Hoàng A có nơi cư trú tại xã B, huyện M, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Lê Thị Kim C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; A Nguyễn Hoàng A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và A Hoàng A theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung trA chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim C và A Nguyễn Hoàng A tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị C cho rằng hôn nhân giữa chị và A Hoàng A không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với A Hoàng A. Theo chị C trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, A chị mạnh ai nấy sống, không thể hàn gắn tình cảm được. Quá trình Tòa án giải quyết thì A Hoàng A không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa chị C và A Hoàng A và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và A Hoàng A đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống C của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với A Hoàng A là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con C: Chị C và A Hoàng A có một con C là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 02/9/2019, hiện đang sống cùng chị C. Chị C cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, cháu Hoàng H cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị C. A Hoàng A vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Nguyễn Hoàng H cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, giao con C là Nguyễn Hoàng H cho chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu A Hoàng A cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản C, nợ C: Chị C trình bày không có tài sản C nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản C và trình bày không có nợ C; A Hoàng A vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của A Hoàng A về việc yêu cầu chia tài sản C, nợ C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị C là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim C, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim C được ly hôn với A Nguyễn Hoàng A.
2. Về con C: Giao con C là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 02/9/2019 cho chị Lê Thị Kim C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Lê Thị Kim C không yêu cầu A Nguyễn Hoàng A cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con C, chị Lê Thị Kim C, A Nguyễn Hoàng A hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Lê Thị Kim C, A Nguyễn Hoàng A có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản C, nợ C: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Lê Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0009584 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- UBND xã Thành Thới B ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(2b) TC:8b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA